UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 23/2014/QĐ-UBND	*Thủ Dầu Một, ngày 26 tháng 6 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng – Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02/4/2013 của Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ Xây dựng – Bộ Công Thương – Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17/8/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1071/TTr -SXD ngày 17 tháng 06 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương".

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các Sở ngành, địa phương tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này; Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Trần Văn Nam

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh và khuyến khích áp dụng đối với khu vực ngoài đô thị.

2. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ theo quy định của Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật* là việc các tổ chức, cá nhân bố trí, lắp đặt đường dây, cáp viễn thông, điện lực và chiếu sáng công cộng (gọi chung là đường dây, cáp); đường ống cấp nước, thoát nước, cấp năng lượng (gọi chung là đường ống) vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

2. *Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung* là các công trình được xây dựng để bố trí, lắp đặt đường dây, cáp và đường ống, bao gồm: Cột ăng ten; cột treo cáp (dây dẫn); công cáp; hào và tuy nen kỹ thuật; đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt.

3. *Cơ sở dữ liệu về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung* bao gồm thuyết minh, bản vẽ hoàn công; các dữ liệu về trang thiết bị, các thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và sử dụng chung.

4. Hệ thống công trình hạ tầng đô thị được xây dựng đồng bộ là khi hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đã được đầu tư xây dựng đạt 70% yêu cầu của đồ án quy hoạch xây dựng theo từng giai đoạn; đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định khác có liên quan.

5. Hệ thống công trình hạ tầng đô thị được xây dựng hoàn chỉnh là khi hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đã được đầu tư xây dựng đạt yêu cầu của đồ án quy hoạch xây dựng theo từng giai đoạn; đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được xác định trong quy hoạch; được đầu tư, xây dựng theo quy hoạch để đảm bảo tính đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm cảnh quan và môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng theo quy định.

3. Chủ đầu tư các đô thị, khu đô thị mới; khu, cụm công nghiệp, các khu chức năng; các tuyến đường phố xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng có trách nhiệm đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để bố trí, lắp đặt các đường dây và đường ống kỹ thuật theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống lắp đặt mới có trách nhiệm bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng.

5. Việc lắp đặt, bố trí các đường dây, cáp và đường ống mới vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng phải có các giải pháp bảo đảm sự hoạt động bình thường của hệ thống đã có.

6. Các loại đường dây, cáp và đường ống bố trí, lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải có dấu hiệu nhận biết theo quy định tại Điều 12 của Quy định này.

7. Việc quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các quy định về kỹ thuật; bảo đảm an toàn, mỹ quan đô thị và được thực hiện thông qua hợp đồng quản lý vận hành.

8. Các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi xây dựng hoàn thành phải được lưu trữ hồ sơ đảm bảo các thành phần theo Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17/8/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị và các quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 4. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động có liên quan đến quy hoạch, thiết kế, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm tuân thủ theo quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình.

2. Trong trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cho phép áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước ngoài. Việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Điều 5. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Thanh tra Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, tổ chức và phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện vi phạm về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

2. Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định trong Quy định này tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Các hành vi bị cấm

1. Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không tuân thủ quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; không đúng giấy phép xây dựng hoặc không có giấy phép xây dựng theo quy định.

2.Lắp đặt đường dây, cáp và đường ống vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không theo quy định.

3. Cản trở việc tham gia sử dụng chung theo quy định của Quy định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Vi phạm quy định về quản lý, khai thác sử dụng, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Chương II
QUY HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT SỬ DỤNG CHUNG

Điều 7. Yêu cầu đối với công tác quy hoạch

1. Quy hoạch đô thị phải xác định công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (hướng tuyến, vị trí và quy mô) để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quản lý đầu tư xây dựng.

2. Quy hoạch chung đô thị phải xác định hướng tuyến và quy mô các công trình cống cáp, hào và tuy nen kỹ thuật trên các đường trục chính đô thị.

3. Quy hoạch phân khu phải xác định vị trí, số lượng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung từ đường chính khu vực trở lên và được thể hiện trên mặt cắt ngang điển hình.

4. Quy hoạch chi tiết phải xác định vị trí, số lượng, quy mô công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung từ cấp đường nội bộ trở lên và được thể hiện trên mặt cắt ngang điển hình.

5. Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật phải xác định các hạng mục công trình theo lĩnh vực tham gia vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bảo đảm tính đồng bộ, làm cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

6. Trong các quy hoạch quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này phải xác định số lượng, loại đường dây, cáp và đường ống tham gia lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

7. Đối với các đô thị đã có quy hoạch đô thị được phê duyệt nhưng chưa có các nội dung được quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 tại Điều này thì phải bổ sung ngay khi điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp công trình hạ tầng sử dụng chung chưa có trong quy hoạch đô thị, khi đầu tư xây dựng phải có ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch tại địa phương.

8. Đối với đô thị hiện hữu, trên cơ sở khảo sát đánh giá công trình hạ tầng kỹ thuật hiện có, đề xuất giải pháp cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới nhằm bảo đảm tính kế thừa, đáp ứng nhu cầu sử dụng chung trong khu vực quy hoạch.

Điều 8. Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Đối với các đô thị mới và khu đô thị mới; khu, cụm công nghiệp, công trình giao thông; các dự án đầu tư xây dựng khác:

a) Phải đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đảm bảo tính đồng bộ theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Chủ đầu tư các dự án trên có trách nhiệm bố trí mặt bằng để các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định của pháp luật xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

c) Chủ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Đối với các đô thị hiện hữu: Trường hợp đã có các công trình ngầm hạ tầng kỹ thật đảm bảo cho việc sử dụng chung thì không được xây dựng hệ thống đường dây, đường ống kỹ thuật mới mà phải phối hợp sử dụng chung cơ sở hạ tầng với các công trình hạ tầng kỹ thuật sẵn có; Trường hợp khác, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp quản lý phải có kế hoạch từng bước đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

3. Đối với các khu vực khác, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nhằm bảo đảm kết nối, khả năng khai thác, sử dụng thuận lợi và an toàn.

4. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo các hình thức đầu tư phù hợp và có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các tổ chức cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Vốn ngân sách nhà nước.

2. Vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh.

3. Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

4. Vốn ODA, vốn tài trợ nước ngoài.

5. Vốn từ các nhà đầu tư trong, ngoài nước.

6. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 10. Sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp quản lý là chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bao gồm:

a) Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách địa phương;

b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi hết thời hạn quản lý khai thác theo quy định.

2. Các tổ chức được giao quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là chủ sở hữu,

quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho đến khi bàn giao cho địa phương theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng đô thị mới, khu đô thị mới là chủ sở hữu, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng đến khi bàn giao về cho địa phương quản lý theo quy định.

4. Các chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải tuân thủ các quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật tại các nội dung của Quy định này.

Điều 11. Bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải được bảo trì theo quy định của Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 02/2012/TT-BXD ngày 12/6/2012 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về bảo trì công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. và các quy định khác có liên quan.

2. Công trình hào và tuy nen kỹ thuật phải thực hiện chế độ bảo trì thường xuyên và định kỳ; công trình đường dây, đường cáp, đường ống và công trình cầu, hầm, đường đô thị phải thực hiện chế độ bảo trì định kỳ.

3. Khi thực hiện công tác bảo trì phải chú ý kiểm tra nghiêm ngặt hệ thống đấu nối công trình, phải đảm bảo các quy định về phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

Chương III
SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 12. Quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống trong công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống là các thông tin cơ bản được thể hiện thống nhất bằng các ký hiệu, màu sắc theo quy định để nhận biết, phân biệt được từng loại đường dây, cáp và đường ống lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

2. Thông tin cơ bản của dấu hiệu nhận biết bao gồm chủ sở hữu; tính chất và chủng loại đường dây, cáp và đường ống.

3. Đơn vị có các đường dây, cáp và đường ống lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung chịu trách nhiệm đánh dấu dấu hiệu nhận biết theo quy định.

4. Quy định về đấu hiệu nhận biết đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ Xây dựng – Bộ Công Thương – Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 13. Sử dụng chung cống cáp, hào và tuy nen kỹ thuật

1. Loại công trình tham gia sử dụng chung cống cáp, hào và tuy nen kỹ thuật:

a) Công trình sử dụng chung cống cáp bao gồm: Đường dây, cáp viễn thông, điện lực và chiếu sáng công cộng;

b) Công trình sử dụng chung hào kỹ thuật: Đường dây, cáp viễn thông, điện lực và chiếu sáng công cộng; đường ống cấp nước; đường ống cấp năng lượng;

c) Công trình sử dụng chung tuy nen kỹ thuật: Đường dây, cáp viễn thông, điện lực và chiếu sáng công cộng; đường ống cấp nước; đường ống cấp năng lượng; đường ống thoát nước (nếu có).

2. Việc sử dụng chung cống cáp, hào và tuy nen kỹ thuật phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định hiện hành.

3. Các đường dây, cáp, đường ống phải lắp đặt đúng vị trí, đảm bảo kết cấu và có dấu hiệu nhận biết theo quy định, đồng thời bảo đảm thuận tiện trong quá trình quản lý vận hành và bảo dưỡng.

Điều 14. Sử dụng chung đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt

1. Các công trình đường dây, cáp và đường ống; cột treo cáp (dây dẫn); cống cáp; hào, tuy nen kỹ thuật khi kết hợp sử dụng chung phải phù hợp với từng loại công trình đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt.

2. Việc thiết kế xây dựng đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt phải tuân thủ quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và có giải pháp kỹ thuật phù hợp để bố trí, lắp đặt các đường dây, cáp và đường ống.

3. Sử dụng chung các công trình đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt hiện có phải tuân thủ các quy định của Quy định này và có ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý công trình, đồng thời phải đảm bảo an toàn giao thông, an toàn công trình và mỹ quan đô thị.

Điều 15. Sử dụng chung cột ăng ten, cột treo cáp (dây dẫn)

1. Loại công trình, thiết bị sử dụng chung cột ăng ten, cột treo cáp (dây dẫn):

a) Thiết bị sử dụng chung cột ăng ten bao gồm các thiết bị vô tuyến điện;

b) Công trình sử dụng chung cột treo cáp (dây dẫn) bao gồm: Đường dây, cáp viễn thông, điện lực và chiếu sáng công cộng.

2. Việc sử dụng chung cột ăng ten, cột treo cáp (dây dẫn) phải đảm bảo chịu lực, an toàn, mỹ quan đô thị.

3. Các đường dây, cáp, thiết bị phải lắp đặt đúng vị trí, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và có dấu hiệu nhận biết theo quy định.

Điều 16. Lựa chọn đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, việc lựa chọn đơn vị quản lý vận hành tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trực tiếp quản lý vận hành hoặc thuê đơn vị quản lý vận hành thông qua hợp đồng quản lý vận hành được quy định tại Điều 17 của Quy định này.

Điều 17. Hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Việc quản lý vận hành các công trình dưới đây được thực hiện thông qua hợp đồng quản lý vận hành:

a) Cột ăng ten;

b) Cột treo cáp (dây dẫn);

c) Cống cáp;

d) Hào và tuy nen kỹ thuật.

2. Hợp đồng quản lý vận hành quy định tại Khoản 1 Điều này được ký kết giữa chủ sở hữu với đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

3. Mẫu hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02/4/2013 của Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 18. Hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Việc sử dụng chung các công trình dưới đây được thực hiện thông qua hợp đồng sử dụng:

a) Cột ăng ten;

b) Cột treo cáp (dây dẫn);

c) Cống cáp;

d) Hào và tuy nen kỹ thuật;

đ) Hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt.

2. Hợp đồng sử dụng chung quy định tại Khoản 1 Điều này được ký kết giữa chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành được chủ sở hữu ủy quyền với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng.

3. Mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02/4/2013 của Bộ Xây dựng ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 19. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Nguyên tắc xác định giá

a) Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải được tính đúng, tính đủ các chi phí đầu tư xây dựng; chi phí quản lý vận hành, bảo trì, bảo dưỡng; chi phí khác theo quy định của pháp luật; gắn với chất lượng dịch vụ; phù hợp với các chế độ chính sách, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để kinh doanh dưới hình thức cho thuê thì giá thuê được xác định trên công trình các chi phí theo quy định và lợi nhuận hợp lý.

2. Căn cứ xác định giá thuê.

a) Chi phí sản xuất, cung ứng dịch vụ;

b) Quan hệ cung cầu, giá thị trường;

c) Sự thay đổi, biến động về giá và cơ chế chính sách của Nhà nước;

d) Điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

3. Quản lý giá thuê:

a) Đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật do nhà nước đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này và phương pháp xác định giá thuê theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng – Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước áp dụng thống nhất trên địa bàn;

b) Đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật được đầu tư không phải từ nguồn vốn ngân sách nhà nước: Các tổ chức, cá nhân căn cứ theo các quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này và tham khảo phương pháp xác định giá thuê do nhà nước ban hành để quy định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do mình đầu tư và thỏa thuận với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng; đồng thời thực hiện đăng ký giá theo quy định pháp luật về quản lý giá. Trường hợp các bên không thỏa thuận được giá thuê, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá theo quy định pháp luật về quản lý giá.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC QUẢN LÝ SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 20. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu

1. Tổ chức, lựa chọn đơn vị quản lý vận hành và ký hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định hiện hành.

2. Trực tiếp hoặc ủy quyền cho đơn vị quản lý vận hành ký hợp đồng sử dụng với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

3. Thực hiện quyền và trách nhiệm đối với đơn vị quản lý vận hành; với các tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo hợp đồng quản lý vận hành và hợp đồng sử dụng đã ký kết.

4. Lập kế hoạch cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

5. Yêu cầu đơn vị quản lý vận hành xây dựng, quản lý công trình dữ liệu và cung cấp thông tin về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định của Quy định này và pháp luật có liên quan.

6. Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

7. Thực hiện chế độ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm và quyền hạn của đơn vị quản lý vận hành

1. Phải có đội ngũ cán bộ và công nhân đủ năng lực; trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý vận hành.

2. Ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo thẩm quyền hoặc được ủy quyền của chủ sở hữu.

3. Thực hiện quyền và trách nhiệm đối với chủ sở hữu; với các tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo hợp đồng quản lý vận hành và hợp đồng sử dụng đã ký kết.

4. Tuân thủ quy định về quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung tại Quy định này và quy định của pháp luật khác có liên quan. Xây dựng, ban hành cụ thể quy trình quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được giao quản lý.

5. Định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung. Xử lý sự cố đồng thời có trách nhiệm thông báo kịp thời cho các bên liên quan để cùng phối hợp xử lý, khắc phục.

6. Thực hiện và thông báo cho các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện kế hoạch cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

7. Xây dựng, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu. Báo cáo định kỳ tình hình quản lý vận hành cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 22. Trách nhiệm và quyền của tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm đối với chủ sở hữu hoặc với đơn vị quản lý vận hành theo hợp đồng sử dụng đã ký kết.

2. Thực hiện quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật của Quy định này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Cung cấp thông tin về đường ống, đường dây, cáp, thiết bị sử dụng chung và được cung cấp thông tin có liên quan về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định.

4. Thông báo kịp thời cho đơn vị quản lý vận hành khi phát hiện các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố, đồng thời phải có trách nhiệm phối hợp kịp thời với đơn vị quản lý vận hành, các đơn vị có liên quan tham gia xử lý và xử lý sự cố xảy ra.

5. Phối hợp với đơn vị quản lý vận hành tổ chức thực hiện việc tháo dỡ, di chuyển ra khỏi công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung các đường ống, đường dây, cáp và thiết bị cần nâng cấp hoặc bị hư hỏng phải thay thế.

Điều 23. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị trong phạm vi toàn tỉnh;

b) Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

c) Phối hợp với các Sở, ngành, liên quan tổ chức giải quyết các tranh chấp về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn.

đ) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; báo cáo tình hình quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định;

e) Thỏa thuận tuyến đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong khu vực đô thị;

g) Hướng dẫn, kiểm tra và xử lý vi phạm quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn theo thẩm quyền. Tiếp nhận thông tin phản ánh về các trường hợp xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không đúng quy định, không đảm bảo an toàn; các sự cố về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để kịp thời phối hợp với các đơn vị có liên quan khắc phục và xử lý theo quy định.

h) Tổ chức lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch chuyên ngành xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh.

i) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập danh mục các tuyến đường trong các đô thị cần phải xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

k) Chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác bảo trì của chủ sở hữu hoặc chủ quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo phân cấp quản lý.

2. Sở Thông tin và Truyền thông.

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra việc tuân thủ theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chuyên ngành Bưu chính viễn thông của các đơn vị thi công, xây dựng hệ thống công trình đường dây, đường cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp, vv... thực hiện đúng các quy định về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Công thương.

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra việc tuân thủ theo các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chuyên ngành điện lực của các đơn vị quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống các công trình đường dây tải điện trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Công ty Điện lực và vận động các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác hệ thống cột điện lực cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cột điện lực để lắp đặt cáp, dây thuê bao và các thiết bị viễn thông.

4. Sở Giao thông Vận tải.

a) Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật tại các khu vực ngoài đô thị trên địa bàn tỉnh;

b) Cung cấp thông tin và các tài liệu có liên quan đến lộ giới, hiện trạng các tuyến đường cho cơ quan cấp phép, làm căn cứ cho việc cấp phép xây dựng và thỏa thuận tuyến, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung khu vực ngòai đô thị.

c) Khi triển khai cải tạo, nâng cấp các tuyến đường phải thông báo cho các tổ chức, đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung dọc tuyến biết, phối hợp di dời.

5. Sở Tài chính.

a) Chủ trì, phối hợp các ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ và ưu đãi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực theo quy định của pháp luật tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dung chung đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê; quy định việc miễn, giảm giá phục vụ hoạt động công ích quốc phòng, an ninh theo quy định pháp luật.

c) Tổ chức hiệp thương giá theo quy định pháp luật về quản lý giá trong trường hợp tổ chức, cá nhân cho thuê (đầu tư ngoài ngân sách nhà nước) và tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng không thỏa thuận được giá thuê.

d) Hướng dẫn cơ chế thu, chi tài chính và các điều khoản của hợp đồng giữa các đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chung hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng các sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch phân bổ vốn để xây dựng mới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; kinh phí cải tạo, sắp xếp lại các công trình đường dây, cáp và đường ống vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

b) Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ và ưu đãi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

7. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương, Ban quản lý khu công nghiệp Việt Nam - Singapore.

a) Quản lý việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các khu công nghiệp.

b) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin, báo cáo tình hình quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp cho Sở Xây dựng theo quy định.

8. Trách nhiệm của các Sở, ngành khác

Các Sở, ngành khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng; các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy định của Quy định này.

Điều 24.Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện việc quản lý nhà nước về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ trên địa bàn được giao quản lý.

2. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, phối hợp kiểm tra các hoạt động xây dựng, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc địa bàn quản lý; kiểm tra và xử lý vi phạm quy định về quản lý sử dụng chung công trình kỹ thuật thuộc địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

3. Khi tổ chức triển khai cải tạo, nâng cấp các tuyến đường phải thông báo cho các tổ chức, đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung dọc tuyến biết, phối hợp di dời.

4. Cung cấp thông tin và các tài liệu có liên quan đến lộ giới, hiện trạng các tuyến đường cho tổ chức cá nhân khi có yêu cầu, làm căn cứ cho việc cấp phép xây dựng và thỏa thuận tuyến, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn được giao quản lý.

5. Tổng hợp, báo cáo định kỳ cho Sở Xây dựng về hiện trạng và tình hình quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc địa bàn quản lý.

Điều 25. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức, cá nhân khi xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; phải được cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định về cấp phép xây dựng và phải thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép, trừ trường hợp được miễn giấy phép theo quy định của pháp luật.

2. Chủ đầu tư các khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh khi tổ chức lập quy hoạch, thiết kế và thi công xây dựng các công trình nêu trên thực hiện việc bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo Quy định này và các quy định liên quan khác; gắn kết đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật của các khu vực lân cận theo hướng hiện đại, phát triển lâu dài và đảm bảo mỹ quan.

3. Chủ đầu tư, chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi đưa vào khai thác sử dụng, phải thực hiện duy tu, bảo trì các công trình theo quy định, đảm bảo an toàn khi vận hành, mỹ quan và vệ sinh môi trường.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành và tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được quy định tại Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của Quy định này.

5. Chủ đầu tư các công trình có trách nhiệm bàn giao hồ sơ thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình cho cơ quan quản lý Nhà nước.

6. Chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

b) Thực hiện bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo chỉ dẫn và quy định của nhà thầu thiết kế, nhà thầu cung ứng vật tư, thiết bị công nghệ, thiết bị công trình và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình xây dựng bị xuống cấp, do không thực hiện quy trình bảo trì công trình theo quy định.

d) Báo cáo định kỳ về công tác bảo trì và tình hình hoạt động của công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho cơ quan quản lý nhà nước theo phân cấp.

Chương V
XỬ LÝ CHUYỂN TIẾP - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, khi triển khai thực hiện di dời để bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật chung theo quy hoạch hoặc dự án hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được duyệt: Thực hiện theo Khoản 2, Điều 8, Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật do các tổ chức cá nhân đầu tư từ nhiều nguồn vốn khác (ngoại trừ nguồn vốn ngân sách nhà nước), khi triển khai thực hiện di dời để bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật chung theo quy hoạch hoặc dự án hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được duyệt: Tùy theo từng trường hợp cụ thể về tính pháp lý của hồ sơ, thời gian triển khai, tính khấu hao tài sản, nguồn vốn, các pháp lý có liên quan, vv…; các tổ chức cá nhân có trách nhiệm lập hồ sơ trình các cơ quan chuyên môn xém xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về giá, cách thức đền bù.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến việc quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; cùng phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ của từng ngành, từng cấp trong từng lĩnh vực cụ thể của Quy định này.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước, quản lý trực tiếp việc khai thác sử dụng, vận hành và bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị theo Quy định này có trách nhiệm phối hợp, tổ chức quản lý, vận hành bảo đảm thống nhất, đồng bộ và có hiệu quả.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cá nhân và tổ chức có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Trần Văn Nam